

Số :1804/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date*: **4/18/2017**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	730	1.10%
2	BMP	100	1.80%
3	BVH	290	1.53%
4	CII	730	2.35%
5	CTD	130	2.37%
6	CTG	1,600	2.49%
7	DHG	130	1.60%
8	DPM	670	1.40%
9	FPT	1,580	6.61%
10	GAS	410	2.03%
11	GMD	660	1.90%
12	HAG	1,870	1.39%
13	HNG	830	0.81%
14	HPG	2,990	8.35%
15	HSG	470	2.05%
16	ITA	1,800	0.54%
17	KBC	1,520	2.06%
18	KDC	530	1.89%
19	MBB	3,990	5.52%
20	MSN	1,960	7.90%
21	MWG	360	5.44%
22	NT2	310	0.88%
23	PVD	820	1.44%
24	REE	800	1.86%
25	SBT	600	1.35%
26	SSI	1,340	2.68%
27	STB	5,180	5.31%
28	VCB	1,550	5.04%
29	VIC	2,400	9.18%

30	VNM	820	10.66%
----	-----	-----	--------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,086,683,400

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,091,851,528

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 5,168,128

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	63,360	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 4/18/2017	Kỳ này/This period 4/17/2017	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	38,800,000	38,800,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	10,960	11,000	-40
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	423,638,392,740	429,414,661,363	-5,776,268,623
của một lô ETF/per Creation Unit	1,091,851,528	1,106,738,818	-14,887,290
của một chứng chỉ quỹ/per Share	10,918.51	11,067.38	-148.87
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	713.53	706.77	6.76

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO